

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Sơn Thạch
- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ: Đường T, khu phố H, phường U, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Ngô Mỹ N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ M, khu phố L, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Ông T, bà N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Cao Ngọc T trình bày:

Ông T và bà Ngô Mỹ N tự nguyện chung sống từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường U, Quận C (nay là thành phố Đ), thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15-01-2014.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Ông và bà N đã chính thức sống ly thân từ khoảng năm 2016, bà N cho đến nay. Bà N và con gái về nhà mẹ ruột sống và hai bên không còn liên lạc với nhau nữa. Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà N nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là Cao Ngọc G, sinh ngày 30-11-2012. Sau khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng,

ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn bà Ngô Mỹ N trình bày:

Bà và ông Cao Ngọc T chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường U, Quận C (nay là thành phố Đ), thành phố Hồ Chí Minh ngày 15-01-2014. Ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp tính tình, không cùng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông bà chính thức sống ly thân từ khoảng năm 2015 cho đến nay. Nay ông T muốn ly hôn với bà, bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Cao Ngọc G, sinh ngày 30-11-2012, cháu G sống chung với bà từ nhỏ nên sau khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Cao Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Mỹ N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ M, khu phố L, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Nguyên đơn ông Cao Ngọc T và bị đơn bà Ngô Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Cao Ngọc T và bị đơn bà Ngô Mỹ N theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Ngọc T và bà Ngô Mỹ N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được ủy ban nhân dân phường U, Quận C (nay là thành phố Đ), thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển I/2014 ngày 15-01-2014 nên hôn nhân của ông bà được công nhận là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Cao Ngọc T:

Theo ông T trình bày thì quá trình chung sống giữa ông T và bà N nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Bà N cũng khai nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp tính tình, không cùng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông bà đã chính thức ly thân từ khoảng năm 2015, 2016 đến nay. Nay hai ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau và xin ly hôn.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T về việc xin ly hôn với bà N là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông Cao Ngọc T và bà Ngô Mỹ N có 01 con chung là Cao Ngọc G, sinh ngày 30-11-2012. Sau khi ly hôn, ông Cao Ngọc T đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu G sống với bà N từ nhỏ, liên tục, ổn định, tuy không lấy được ý kiến, nguyện vọng của cháu G nhưng tại Biên bản làm việc ngày 25-3-2024 của Tòa án với ông T và ý kiến của bà N đều thống nhất cháu G sống với bà N từ nhỏ, không muốn gặp mặt hay nói chuyện với ông T, do đó để ổn định cuộc sống, cũng như đảm bảo về sự phát triển về thể chất, tinh thần và quyền lợi cho cháu G, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu G cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho ông Cao Ngọc T được ly hôn với bà Ngô Mỹ N.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Ngô Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Cao Ngọc G, sinh ngày 30-11-2012. Ông Cao Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Cao Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002736 ngày 29-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-4-2024) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. P, tỉnh BR-VT;
- UBND phường U, TP. Đ,
- TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Tình